

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 72 /2020/DS-ST

Ngày 20 / 11 /2020.

“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Xuyên

- Các Hội thẩm nhân dân:

[1].ông Nguyễn Mạnh Dũng

[2]. ông Nguyễn Đăng Bảy

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Thế Vinh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước: ông Phan Văn Khải – Chức vụ: Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 169/2020/ DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2020 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa ra xét xử số 95 /2020 /QĐST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

[1].Nguyên Đơn : bà Trần Th T; Sinh năm 1968

Địa chỉ : Khu Tân Hưng, TT Đ Ph, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Anh Đặng H M Nh; Sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ : Khu Đức Lập, TT Đ Ph, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

[2].Bị đơn: chị Trần Th L; Sinh năm 1991

Địa chỉ : Khu Đức H, TT Đ Ph, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Chị Ninh Thị Ng H; Sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ : Khu Đức Lập, TT Đ Ph, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước

[3].Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Trần Thái Hòa; Sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ : Khu Tân Hưng, TT Đ Ph, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 08/8/2020 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn trình bày: Ngày 29/08/2017 nguyên đơn có cho cô Trần Th L vay số tiền 750.000.000đ, lãi suất 2%/1 tháng, thời hạn vay 12 tháng, khi vay có làm giấy tờ viết tay, có thể chấp một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 269249 do UBND huyện Bù Đăng cấp ngày 14/1/2010 đứng tên Trương Thị Ngọc Lâm, đến ngày 28/7/2018 mới trả được tiền gốc 150.000.000đ và hẹn tiếp một tháng sau sẽ trả cả gốc và lãi còn lại nhưng đến nay chưa trả.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc đã vay còn lại 600.000.000đ và lãi suất theo quy định từ ngày 29/8/2017 đến nay.

Bị đơn trình bày: Ngày 29/08/2017 bị đơn có vay tiền 750.000.000đ của bà Trần Th T là đúng, có ký vào giấy vay tiền là đúng nhưng không thỏa thuận thời hạn trả nợ, lãi suất không ghi vào giấy nhưng thỏa thuận miệng 5%/ 1 tháng, từ ngày 29/08/2017 đến ngày 28/7/2018 đã trả lãi hàng tháng, mỗi tháng 45.000.000đ, tổng cộng 12 tháng là 540.000.000đ, nhưng khi trả không làm giấy tờ biên nhận, không có tài liệu chứng cứ chứng minh.

Ngày 28/7/2018 cô Loan có trả bà Túc tiền gốc 150.000.000đ còn nợ lại 600.000.000đ, theo đó chị Loan có đề nghị bà Túc viết giấy xác nhận có nợ 600.000.000đ và đã nhận lãi từ ngày 28/7/2018 đến ngày 28/12/2018 tiền lãi 150.000.000đ (Loan tự viết) có chữ ký bà Túc. Cùng ngày thì cô Loan thế chấp giấy một chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Trương Thị Ngọc Lâm cho bà Túc.

Từ đầu năm 2019 đến tháng 5/2019 do bà Túc chưa có tài khoản ở ngân hàng nên hàng tháng cô Loan giao tiền mặt cho bà Túc mỗi tháng 30.000.000đ, tổng cộng 150.000.000đ tiền lãi.

Từ tháng 5/2019 bà Túc cung cấp số tài khoản ở ngân hàng nên cô Loan trả tiền lãi cho bà Túc thông qua tài khoản ngân hàng từ ngày 21/5/2019 đến 24/7/2020 tổng số tiền là 355.000.000đ (tài khoản bà Túc 245.000.000đ và tài khoản của Trần Thái Hòa con bà Túc 110.000.000đ.)

Việc trả lãi qua ngân hàng có tháng trả 1 lần, có tháng trả 2 lần, có tháng trả 3 lần.

Tổng số tiền lãi chị Loan trả bà Túc từ ngày 28/7/2017 đến tháng 1/2020 là 450.000.000đ.

Đề nghị Tòa án khấu trừ số tiền lãi vượt quá quy định vào số tiền gốc, nên nay bị đơn chỉ đồng ý trả số tiền gốc còn lại 251.100.000đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Thái Hòa trình bày: Tổng số tiền mà cô Loan chuyển vào tài khoản của tôi số tiền 110.000.000đ là đúng nhưng đây là khoản vay nợ riêng giữa tôi và cô Loan, nhưng không có gì chứng minh là nợ riêng, còn khi chuyển khoản cô Loan ghi nội dung diễn giải khi chuyển “ Loan chuyển khoản trả gì Túc” là việc của Loan, anh không biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phát biểu quan điểm khẳng định: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình chuẩn bị xét xử từ khi thụ lý đến nay là đúng. Tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục

tổ tụng, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tổ tụng của các đương sự theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần theo đơn khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về " Hợp đồng vay tài sản".

Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào khoản 3 Điều 25, điểm a khoản 1 Điều 33 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3]. Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn về số tiền bị đơn đã vay hiện nay còn nợ lại 600.000.000đ, bị đơn thừa nhận là đúng, đến nay chưa trả. Vì vậy cần buộc bị đơn trả nguyên đơn số tiền gốc 600.000.000đ.

Về lãi suất, khi vay có thỏa thuận về lãi nhưng không rõ về mức lãi, thời hạn trả nợ và có tranh chấp về lãi suất, do vậy cần áp dụng quy định tại điều 468 BLDS cụ thể:

Lãi suất từ ngày 29/08/2017 đến nay 20/11/2020 là 38 tháng 22 ngày :

$600.000.000đ \times 0,83\%/1 \text{ tháng} \times 38 \text{ tháng} 22 \text{ ngày} = 192.892.000đ.$

Bị đơn cho rằng từ ngày 29/08/2017 đến ngày 28/7/2018 đã trả lãi hàng tháng, mỗi tháng 45.000.000đ, tổng cộng 12 tháng là 540.000.000đ nhưng không có gì chứng minh, nguyên đơn không thừa nhận.

Bị đơn cho rằng từ ngày 28/7/2018 đến ngày 28/12/2018 đã trả nguyên đơn tiền lãi 150.000.000đ được ghi trong giấy đề ngày 28/7/2018. Hội đồng xét xử thấy rằng nguyên đơn và bị đơn thừa nhận nội dung chữ viết: “ Ngày 16/10/017 DL có nhận sổ đỏ chưa giao tiền 900.000 chín trăm triệu đồng chẵn, và ký, viết họ tên Trần Th T”. Đây là chữ viết của bà Túc. Còn dòng chữ ở giữa đoạn văn trên có nội dung:

“ 28/7/018 đưa 600.000.000 và đã nhận lãi 150.000.00 . 28→7/018 cho đến 28/12/018 Rồi. 600.000.00 theo giấy vay tiền ngày 29/8/2017”. Đây là chữ viết của Trần Th L.

Nguyên đơn không thừa nhận 28/7/2018 nhận lãi 150.000.000đ, tờ giấy gốc do bị đơn giữ và tự ý ghi thêm vào. Như vậy lợi dụng khoảng trống cách dòng mà bị đơn đã tự ý ghi thêm nội dung nhận lãi 150.000.000đ, cho nên không có căn cứ xác định ngày 28/7/2018 nguyên đơn nhận lãi 150.000.000đ.

Bị đơn cho rằng từ đầu năm 2019 đến tháng 5/2019 hàng tháng cô Loan giao tiền mặt cho bà Túc mỗi tháng 30.000.000đ, tổng cộng 150.000.000đ tiền lãi, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận theo ý kiến bị đơn.

Từ ngày 21 tháng 5 năm 2019 đến ngày 08/5/2020 tổng số tiền mà bị đơn chuyển khoản qua ngân hàng trả cho nguyên đơn tổng cộng 355.000.000đ, nguyên đơn và người liên quan không có chứng cứ chứng minh đây là khoản vay riêng, việc chuyển khoản qua tài khoản anh Hòa có ghi rõ chuyển khoản trả gì Túc.

Như vậy có đủ căn cứ xác định số tiền 355.000.000đ là tiền lãi mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn. Tuy nhiên hiện nay tiền lãi mà bị đơn có nghĩa vụ trả nguyên đơn là 192.892.000đ, nên được khấu trừ vào số tiền đã trả, vì vậy số tiền lãi dư thừa $355.000.000đ - 192.892.000đ = 162.108.000đ$ được khấu trừ vào tiền gốc $600.000.000đ - 162.108.000đ = 437.892.000đ$. Nên bị đơn chỉ phải trả nguyên đơn số tiền gốc còn lại hiện nay là 437.892.000đ.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 269249 do UBND huyện Bù Đăng cấp ngày 14/1/2010 đứng tên Trương Thị Ngọc Lâm do nguyên đơn và bị đơn không làm thủ tục đăng ký thế chấp theo luật định nên nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn.

[5]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận một phần nên nguyên đơn nộp phần án phí phần không được tòa án chấp nhận:

$162.108.000đ \times 5\% = 8.105.400đ$, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 14.000.000đ, số tiền còn lại 5.894.600đ hoàn trả lại nguyên đơn.

Bị đơn phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo luật định là 21.515.680đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Trần Th L phải trả cho bà Trần Th T số tiền gốc còn lại hiện nay 437.892.000đ.

(Về tiền lãi bị đơn có nghĩa vụ trả nguyên đơn là 192.892.000đ nhưng đã trả xong)

[2]. Bà Trần Th T trả lại chị Trần Th L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 269249 do UBND huyện Bù Đăng cấp ngày 14/1/2010 đứng tên Trương Thị Ngọc Lâm.

[3]. Về án phí: Buộc bị đơn chị Trần Th L phải nộp tiền án phí DSST là 21.515.680đ. Buộc nguyên đơn nộp tiền án phí 8.105.400đ, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 14.000.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 015572 ngày 10/8/2020, số tiền còn lại 5.894.600đ Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả cho nguyên đơn bà Trần Th T.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên

toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích lục bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú .

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BĐ;
- CCTHA huyện BĐ;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên

